

*Phước Sơn, ngày 30 tháng 7 năm 2021*

Số: 14/2021/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân - gia đình thụ lý số: 11/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị Huyền T, sinh năm: 1987

- *Bị đơn*: Anh Cao Đình P, sinh năm: 1982

Cùng cư trú tại: Thôn 1, xã H, huyện P, tỉnh Q.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ngân hàng N- Chi nhánh huyện P, tỉnh Q;

Trụ sở tại: Tổ dân phố số 3, thị trấn K, huyện P, tỉnh Q.

+ Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện P, tỉnh Q;

Trụ sở tại: Tổ dân phố số 3, thị trấn K, huyện P, tỉnh Q.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Phan Thị Huyền T và anh Cao Đình P.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**- Về quan hệ hôn nhân:**

Chị Phan Thị Huyền T và anh Cao Đình P đồng ý thuận tình ly hôn.

**- Về con chung:** Vợ chồng có 03 con chung:

Chị Phan Thị Huyền T nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con: Cao Thị Như N, sinh ngày: 11/10/2006 và Cao Đình H, sinh ngày: 09/9/2009.

Anh Cao Đình P nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con: Cao Diệu L, sinh ngày: 15/12/2013.

Chị Phan Thị Huyền T và anh Cao Đình P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của chị Phan Thị Huyền T và anh Cao Đình P.

**- Về tài sản chung:**

Chị Phan Thị Huyền T và anh Cao Đình P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Về nợ chung:**

Chị Phan Thị Huyền T nhận trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng N- Chi nhánh huyện P, tỉnh Q số tiền: 50.243.056đ (*Năm mươi triệu, hai trăm bốn mươi ba ngàn, không trăm năm mươi sáu đồng*). Trong đó, nợ gốc: 50.000.000 đồng, nợ lãi: 243.056 đồng (Tiền lãi tính đến ngày 09/5/2021).

Anh Cao Đình P nhận trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện P, tỉnh Q số tiền: 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*). Trong đó, nợ gốc: 50.000.000 đồng, nợ lãi: 0 đồng (Tiền lãi tính đến ngày 20/5/2021).

**- Án phí Hôn nhân - gia đình sơ thẩm:**

150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) đã giảm  $\frac{1}{2}$  án phí, chị Phan Thị Huyền T đồng ý nộp. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Phan Thị Huyền T đã nộp là: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 002241 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Hoàn trả cho chị Phan Thị Huyền T số tiền tạm ứng án phí còn lại là: 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKS huyện Phước Sơn;
- UBND xã Phú Thọ, Quế Sơn, Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký)*

**Phan Thị Lan**